|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TÀI CHÍNH** | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
| Số: 18899 /BTC-KBNN  V/v hướng dẫn chế độ KTNN áp dụng cho TABMIS liên quan đến một số điểm mới của Luật NSNN 2015 | *Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2016* |

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước (NSNN) 2015; Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10/01/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện kế toán nhà nước áp dụng cho hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc (TABMIS); Thông tư số 123/2014/TT-BTC ngày 27/08/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn tổ chức vận hành, khai thác hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc (TABMIS), Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán nhà nước (KTNN) áp dụng cho TABMIS liên quan đến một số điểm mới của Luật NSNN 2015 như sau:

**I. Nhập dự toán theo nhiệm vụ chi của Luật Ngân sách nhà nước 2015**

Thực hiện Luật Ngân sách nhà nước 2015 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2017), trong đó đã quy định rõ các nội dung chi NSNN, nhiệm vụ chi ngân sách trung ương (NSTW), nhiệm vụ chi ngân sách địa phương (NSĐP), được thống nhất từ trung ương đến địa phương, gồm cả chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên được chi tiết theo 13 lĩnh vực chi.

Theo đó, việc hạch toán dự toán được thực hiện như sau:

- Căn cứ dự toán chi ngân sách theo lĩnh vực được Quốc hội quyết định đối với NSTW; Căn cứ dự toán chi ngân sách theo lĩnh vực được Hội đồng nhân dân quyết định đối với NSĐP để nhập dự toán cấp 0 vào Hệ thống TABMIS theo nhiệm vụ chi NSNN năm 2017 theo Phụ lục I - Bảng chuyển đổi ngành lĩnh vực đầu tư công theo Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ và mã nhiệm vụ chi NSNN theo Luật NSNN 2015 sang mã nhiệm vụ chi mới áp dụng cho năm ngân sách 2017 kèm theo Công văn này.

Trường hợp dự toán chi năm 2017 được cấp thẩm quyền giao theo nhiệm vụ chi đầu tư phát triển nguồn NSNN giai đoạn 2016-2020 theo quy định tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ, căn cứ công năng chính của dự án phục vụ hoạt động của lĩnh vực nào được chuyển đổi sang lĩnh vực chi quy định tại Điều 36, 38 Luật NSNN năm 2015 theo Phụ lục I kèm theo Công văn này.

- Căn cứ dự toán chi ngân sách Thủ tướng Chính phủ (hoặc uỷ quyền cho Bộ trưởng các Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư) giao cho đơn vị dự toán cấp 1 thuộc NSTW, căn cứ Quyết định giao dự toán chi ngân sách của Ủy ban Nhân dân cho các đơn vị dự toán cấp 1 thuộc NSĐP, để nhập dự toán cấp 1 vào Hệ thống TABMIS theo đơn vị dự toán cấp 1 của từng cấp ngân sách theo mã số Chương ban hành tại Phụ lục số 01 kèm theo Quyết định số 33/2008/QĐ-BTC ngày 02/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và theo từng nhiệm vụ chi (Phụ lục I kèm theo Công văn này).

- Trách nhiệm nhập dự toán và quy trình nhập dự toán cấp 0, phân bổ từ cấp 0 đến cấp 1 theo nhiệm vụ chi quy định tại Luật NSNN 2015 của các cấp ngân sách thực hiện theo quy định hiện hành đã được hướng dẫn tại Công văn số 8859/BTC-KBNN ngày 09/7/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán dự toán, lệnh chi tiền NSTW áp dụng cho TABMIS, Công văn số 8858/BTC-KBNN ngày 09/7/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán dự toán, lệnh chi tiền NSĐP áp dụng cho TABMIS.

- Dự toán của các đơn vị dự toán và đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc đơn vị dự toán cấp 1: Các đơn vị dự toán cấp 1 phân bổ giao dự toán cho các đơn vị dự toán trực thuộc theo mã Loại, Khoản ban hành tại Quyết định số 33/2008/QĐ-BTC ngày 02/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các văn bản bổ sung, sửa đổi.

***Thời hạn và trách nhiệm nhập dự toán***

Sau khi phân bổ dự toán, kế hoạch vốn hàng năm, các bộ, ngành, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện nhập dự toán vào TABMIS theo quy định tại Thông tư số 123/2014/TT-BTC ngày 27/8/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn tổ chức vận hành, khai thác hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc (TABMIS).

***Lưu ý:***

*- Quy trình và phương pháp kế toán phân bổ dự toán NSĐP từ cấp 1 cho các đơn vị dự toán trực thuộc, đơn vị sử dụng ngân sách; dự toán chuyển giao ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới; ngân sách xã thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 8858/BTC-KBNN ngày 09/7/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán dự toán, lệnh chi tiền NSĐP áp dụng cho TABMIS.*

*- Quy trình và phương pháp kế toán phân bổ dự toán NSTW từ cấp 1 cho các đơn vị dự toán trực thuộc, đơn vị sử dụng ngân sách; dự toán chuyển giao ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 8859/BTC-KBNN ngày 09/7/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán dự toán, lệnh chi tiền NSTW áp dụng cho TABMIS.*

**II. Bổ sung tài khoản và sửa đổi nội dung tài khoản**

1. Bổ sung trong nhóm 92 - Dự toán chi đơn vị cấp trên các tài khoản cấp 2 như sau:

- Tài khoản 9214 - Dự toán chi dự trữ quốc gia phân bổ cấp 0.

- Tài khoản 9254 - Dự toán chi dự trữ quốc gia phân bổ cho đơn vị cấp 1.

2. Bổ sung Tài khoản nhóm 95 - Dự toán chi đơn vị cấp 4 các tài khoản sau:

- Tài khoản cấp 1: Tài khoản 9540 - Dự toán chi dự trữ quốc gia.

- Tài khoản cấp 2 của Tài khoản 9540: Tài khoản 9541 - Dự toán chi dự trữ quốc gia.

Nội dung ghi chép và kết cấu tài khoản được hướng dẫn tại Phụ lục II - Nguyên tắc, nội dung và kết cấu tài khoản kế toán kèm theo Công văn này.

**III. Đổi tên mã chi tiết của mã quỹ tài chính**

* Đổi tên Quỹ Phòng chống ma túy (mã 91020) thành Quỹ Phòng, chống tội phạm.
* Đổi tên Quỹ Phòng chống bão lụt (mã 91049) thành Quỹ Phòng, chống thiên tai.

**IV. Sửa đổi mã tính chất nguồn kinh phí chi thường xuyên**

Mã tính chất nguồn kinh phí thường xuyên được thay thế như sau:

*12- Kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán:* Là kinh phí của cơ quan nhà nước không thực hiện chế độ tự chủ; kinh phí không thực hiện tự chủ của cơ quan thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo quy định; không bao gồm các khoản kinh phí được chi tiết theo mã tính chất nguồn kinh phí từ 14 đến 29;

*13 - Kinh phí được giao tự chủ:* Bao gồm kinh phí được giao tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan nhà nước;

*14- Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương:* Bao gồm các nguồn kinh phí để thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương cơ sở, bảo trợ xã hội;

*15 - Kinh phí không tự chủ được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30/9:* Bao gồm các khoản dự toán kinh phí không tự chủ được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm thực hiện dự toán, không bao gồm các khoản bổ sung do các đơn vị dự toán cấp trên điều chỉnh dự toán đã giao cho các đơn vị dự toán trực thuộc.

Kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán của cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30/9 năm thực hiện dự toán (theo quy định tại Điều 64 Luật NSNN 2015) được hạch toán vào tài khoản kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán với tính chất chất nguồn 15.

*16 - Kinh phí nghiên cứu khoa học:* Bao gồm các khoản kinh phí nghiên cứu khoa học bố trí trong thời gian thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học được cấp có thẩm quyền quyết định;

*28 - Kinh phí giữ lại:* Là kinh phí giữ lại không được chi theo quy định của cấp có thẩm quyền;

*29 - Kinh phí thường xuyên khác:* Là các khoản kinh phí khác.

**V. Hướng dẫn về ghi chép mã nhiệm vụ chi, mã nguồn NSNN của tổ hợp tài khoản dự toán cấp 0 và cấp 1**

1. *Hướng dẫn ghi chép phân đoạn mã nhiệm vụ chi tại tổ hợp tài khoản dự toán cấp 0 và cấp 1*

Đối với tổ hợp tài khoản kế toán dùng để hạch toán dự toán cấp 0 và cấp 1: hạch toán theo mã nhiệm vụ chi NSNN được mã hóa tại Phụ lục I kèm theo Công văn này, hạch toán chi tiết mã nhiệm vụ chi như sau:

a) Chi đầu tư phát triển

(1) Chi đầu tư cho các dự án theo 13 lĩnh vực: Quốc phòng (được kết hợp nhiệm vụ chi 835), An ninh và trật tự an toàn xã hội (836), Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề (837), Sự nghiệp khoa học và công nghệ (838), Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình (841), Sự nghiệp văn hóa thông tin (842), Sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn (843), Sự nghiệp thể dục thể thao (844), Sự nghiệp bảo vệ môi trường (845), Các hoạt động kinh tế (846), Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội; hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo quy định của pháp luật (847), Bảo đảm xã hội, bao gồm cả chi hỗ trợ thực hiện các chính sách xã hội theo quy định của pháp luật (848), các khoản chi khác theo quy định của pháp luật (849).

(2) Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp theo quy định của pháp luật (được kết hợp nhiệm vụ chi 828).

(3) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật: được kết hợp nhiệm vụ chi 859.

b) Chi dự trữ quốc gia: được kết hợp nhiệm vụ chi 829.

c) Chi thường xuyên

Chi thường xuyên theo 13 lĩnh vực: Quốc phòng (được kết hợp nhiệm vụ chi 861), An ninh và trật tự an toàn xã hội (862), Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề (864), Sự nghiệp khoa học và công nghệ (867), Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình (865), Sự nghiệp văn hóa thông tin (868), Sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn (869), Sự nghiệp thể dục thể thao (871), Sự nghiệp bảo vệ môi trường (874), Các hoạt động kinh tế (873), Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội; hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo quy định của pháp luật (875), Bảo đảm xã hội, bao gồm cả chi hỗ trợ thực hiện các chính sách xã hội theo quy định của pháp luật (872), Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật (877).

d) Chi trả nợ lãi các khoản tiền do Chính phủ vay: Chi trả nợ lãi các khoản tiền do Chính phủ vay (được kết hợp nhiệm vụ chi 911).

e) Chi viện trợ: được kết hợp nhiệm vụ chi 931.

g) Chi cho vay theo quy định của pháp luật: Chi cho vay theo quy định của pháp luật(được kết hợp nhiệm vụ chi 949).

h) Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính trung ương: Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính trung ương (được kết hợp nhiệm vụ chi 949).

i) Chi chuyển nguồn của ngân sách trung ương sang năm sau: Chi chuyển nguồn sang năm sau (được kết hợp nhiệm vụ chi 949).

k) Chi bổ sung có mục tiêu: Chi bổ sung có mục tiêu (được kết hợp nhiệm vụ chi 951).

l) Chi bổ sung cân đối ngân sách: Chi bổ sung cân đối ngân sách (được kết hợp nhiệm vụ chi 952).

*2. Hướng dẫn ghi chép phân đoạn mã nguồn tại tổ hợp tài khoản dự toán cấp 0 và cấp 1*

Đối với tổ hợp tài khoản kế toán dùng để hạch toán dự toán cấp 0 và cấp 1: hạch toán theo mã nguồn.

**VI. Phương pháp hạch toán kế toán dự toán**

***1. Phương pháp kế toán dự toán cấp 0***

*1.1. Kế toán nhập dự toán cấp 0 nhiệm vụ chi đầu tư*

Nợ TK 9216, 9219 - Dự toán chi ĐTXDCB, ĐTPT khác phân bổ cấp 0

Có TK 9111, 9151 - Nguồn dự toán giao trong năm, dự toán tăng thu

*1.2. Kế toán nhập dự toán cấp 0 nhiệm vụ chi dự trữ quốc gia*

Nợ TK 9214 - Dự toán chi dự trữ quốc gia phân bổ cấp 0

Có TK 9111 - Nguồn dự toán giao trong năm

*1.3. Kế toán nhập dự toán cấp 0 nhiệm vụ chi thường xuyên*

Nợ TK 9213 - Dự toán chi TX phân bổ cấp 0

Có TK 9111, 9151 - Nguồn dự toán giao trong năm, dự toán tăng thu

*1.4. Kế toán nhập dự toán cấp 0 nhiệm vụ chi trả nợ lãi do Chính phủ vay*

Nợ TK 9226 - Dự toán chi trả nợ phân bổ cấp 0

Có TK 9111 - Nguồn dự toán giao trong năm

*1.5. Kế toán nhập dự toán cấp 0 nhiệm vụ chi viện trợ*

Nợ TK 9223 - Dự toán chi viện trợ phân bổ cấp 0

Có TK 9111 - Nguồn dự toán giao trong năm

*1.6. Kế toán nhập dự toán cấp 0 nhiệm vụ chi chuyển giao*

*(1) Trường hợp giao trong năm, ghi:*

Nợ TK 9229 - Dự toán chi chuyển giao phân bổ cấp 0

Có TK 9111 - Nguồn dự toán giao trong năm

*(2) Trường hợp giao bổ sung trong năm từ nguồn bổ sung mục tiêu tăng thêm (951), ghi:*

Nợ TK 9229 - Dự toán chi chuyển giao phân bổ cấp 0 (loại dự toán 02)

Có TK 9161 - Nguồn bổ sung mục tiêu tăng thêm

+ Trường hợp giao bổ sung trong năm từ các nguồn bội chi tăng thêm, nguồn tăng thu, nguồn kết dư để bổ sung mục tiêu tăng thêm, ghi

Nợ TK 9229 - Dự toán chi chuyển giao phân bổ cấp 0 (loại dự toán 02)

Có TK 9141, 9151, 9171

*1.7. Kế toán nhập dự toán cấp 0 của các nhiệm vụ khác*

*a) Nhiệm vụ chi cho vay theo quy định của pháp luật (949)*

Nợ TK 9239 - Dự toán khác phân bổ cấp 0

Có TK 9111 - Nguồn dự toán giao trong năm

*b) Dự toán giao từ nguồn dự phòng (932)*

Nợ TK 9233 - Dự toán dự phòng phân bổ cấp 0

Có TK 9111 - Nguồn dự toán giao trong năm

*c) Dự toán giao nhiệm vụ chi chuyển nguồn sang năm sau (949)*

Nợ TK 9239 - Dự toán khác phân bổ cấp 0

Có TK 9111 - Nguồn bội chi tăng thêm

*d) Dự toán giao nhiệm vụ chi hỗ trợ khoản 9, Điều 9, Luật NSNN(949)*

Nợ TK 9239 - Dự toán khác phân bổ cấp 0

Có TK 9111 - Nguồn bội chi tăng thêm

*2. Kế toán phân bổ dự toán từ cấp 0 tới cấp 1*

*2.1. Phân bổ từ cấp 0 tới cấp 1 dự toán đầu tư giao trong năm*

*a) Phân bổ từ cấp 0 tới cấp 1 dự toán đầu tư XDCB giao trong năm*

Nợ TK 9256 - Dự toán chi đầu tư XDCB phân bổ cho đơn vị cấp 1

Có TK 9216 - Dự toán chi đầu tư XDCB phân bổ cấp 0

*Lưu ý*: Phân đoạn mã ngành kinh tế của tổ hợp tài khoản cấp 0 và cấp 1 cùng 1 mã nhiệm vụ chi (tại tiết 1.1, Phụ lục I kèm theo Công văn này).

*b) Phân bổ từ cấp 0 tới cấp 1 dự toán giao trong năm của các nhiệm vụ chi đầu tư phát triển khác, ghi:*

Nợ TK 9259 - Dự toán chi ĐTPT khác phân bổ cho đơn vị cấp 1

Có TK 9219 - Dự toán chi ĐTPT khác phân bổ cấp 0

*Lưu ý:* Phân đoạn mã ngành kinh tế của tổ hợp tài khoản cấp 0 và cấp 1 cùng 1 mã nhiệm vụ chi (tại tiết 1.2, 1.3, Phụ lục I kèm theo Công văn này).

*c) Phân bổ từ cấp 0 tới cấp 1 dự toán giao trong năm từ**nguồn khác*

*(1) Nhiệm vụ chi cho vay theo quy định của pháp luật (949)*

Nợ TK 9256, 9259 - Dự toán chi ĐTXDCB, ĐTPT khác phân bổ cấp 1

Có TK 9239 - Dự toán khác phân bổ cấp 0

*Lưu ý:* Phân đoạn mã ngành kinh tế của tổ hợp tài khoản cấp 0 (tại điểm 7, Phụ lục I kèm theo Công văn này), tổ hợp tài khoản cấp 1 ghi mã nhiệm vụ chi tương ứng (tại tiết 1.1, hoặc 1.2, 1.3, Phụ lục I kèm theo Công văn này).

*(2) Dự toán giao từ nguồn dự phòng (932)*

Nợ TK 9256, 9259 - Dự toán chi ĐTXDCB, ĐTPT khác phân bổ cấp 1

Có TK 9233 - Dự toán dự phòng phân bổ cấp 0

*Lưu ý:* Phân đoạn mã ngành kinh tế của tổ hợp tài khoản cấp 0 (tại điểm 6, Phụ lục I kèm theo Công văn này), tổ hợp tài khoản cấp 1 ghi mã nhiệm vụ chi tương ứng (tại tiết 1.1, hoặc 1.2, 1.3, Phụ lục I kèm theo Công văn này).

*(3) Dự toán giao nhiệm vụ chi chuyển nguồn (949)*

Nợ TK 9256, 9259 - Dự toán chi ĐTXDCB, ĐTPT khác phân bổ cấp 1

Có TK 9239 - Dự toán khác phân bổ cấp 0

*Lưu ý:* Phân đoạn mã ngành kinh tế của tổ hợp tài khoản cấp 0 (chi tiết điểm 8, Phụ lục I kèm theo Công văn này), tổ hợp tài khoản cấp 1 ghi mã nhiệm vụ chi tương ứng (tại tiết 1.1, hoặc 1.2, 1.3, Phụ lục I kèm theo Công văn này).

*(4) Dự toán giao nhiệm vụ chi hỗ trợ khoản 9, Điều 9 (949)*

Nợ TK 9256, 9259 - Dự toán chi ĐTXDCB, ĐTPT khác phân bổ cấp 1

Có TK 9239 - Dự toán khác phân bổ cấp 0

*Lưu ý:* Phân đoạn mã ngành kinh tế của tổ hợp tài khoản cấp 0 (chi tiết điểm 11, Phụ lục I Công văn này), tổ hợp tài khoản cấp 1 ghi mã nhiệm vụ chi tương ứng (tại tiết 1.1, hoặc 1.2, 1.3, Phụ lục I kèm theo Công văn này).

*2.2. Kế toán phân bổ dự toán từ cấp 0 tới cấp 1 chi dự trữ quốc gia*

Phân bổ từ cấp 0 tới cấp 1 dự toán giao trong năm từnguồn dự trữ quốc gia:

Nợ TK 9254 - Dự toán chi dự trữ quốc gia phân bổ cấp 1

Có TK 9214 - Dự toán dự trữ quốc gia phân bổ cấp 0

*Lưu ý:* Phân đoạn mã ngành kinh tế của tổ hợp tài khoản cấp 0 (chi tiết điểm 2, Phụ lục I kèm theo Công văn này), tổ hợp tài khoản cấp 1 ghi mã nhiệm vụ chi tương ứng (tại tiết 1.1, hoặc 1.2, 1.3, Phụ lục I kèm theo Công văn này).

*2.3. Kế toán phân bổ dự toán từ cấp 0 tới cấp 1 chi thường xuyên*

*a)* Phân bổ từ cấp 0 tới cấp 1 dự toán giao trong năm:

Nợ TK 9253 - Dự toán chi thường xuyên phân bổ cho đơn vị cấp 1

Có TK 9213 - Dự toán chi thường xuyên phân bổ cấp 0

*Lưu ý*: Phân đoạn mã ngành kinh tế của tổ hợp tài khoản cấp 0 và cấp 1 cùng 1 mã nhiệm vụ chi (tại điểm 3, Phụ lục I kèm theo Công văn này).

*b*) Phân bổ từ cấp 0 tới cấp 1 dự toán giao trong năm từnguồn khác

*(1) Nhiệm vụ chi cho vay theo quy định của pháp luật*

Nợ TK 9253 - Dự toán chi TX phân bổ cho đơn vị cấp 1

Có TK 9239 - Dự toán khác phân bổ cấp 0

*Lưu ý:* Phân đoạn mã ngành kinh tế của tổ hợp tài khoản cấp 0 (tại điểm 7, Phụ lục I kèm theo Công văn này), tổ hợp tài khoản cấp 1 ghi mã nhiệm vụ chi tương ứng (tại điểm 3, Phụ lục I kèm theo Công văn này).

*(2) Nhiệm vụ chi thường xuyên từ nguồn dự phòng)*

Nợ TK 9253 - Dự toán chi TX phân bổ cho đơn vị cấp 1

Có TK 9233 - Dự toán dự phòng phân bổ cấp 0

*Lưu ý:* Phân đoạn mã ngành kinh tế của tổ hợp tài khoản cấp 0 (tại điểm 6, Phụ lục I kèm theo Công văn này), tổ hợp tài khoản cấp 1 ghi mã nhiệm vụ chi tương ứng (tại điểm 3, Phụ lục I kèm theo Công văn này).

*(3) Dự toán giao nhiệm vụ chi chuyển nguồn (949)*

Nợ TK 9253- Dự toán chi thường xuyên phân bổ cấp 1

Có TK 9239 - Dự toán khác phân bổ cấp 0

*Lưu ý:* Phân đoạn mã ngành kinh tế của tổ hợp tài khoản cấp 0 (tại điểm 8, Phụ lục I kèm theo Công văn này), tổ hợp tài khoản cấp 1 ghi mã nhiệm vụ chi tương ứng (tại điểm 3, Phụ lục I kèm theo Công văn này).

*(4) Dự toán giao nhiệm vụ chi hỗ trợ khoản 9, Điều 9 (949)*

Nợ TK 9253 - Dự toán chi thường xuyên phân bổ cấp 1

Có TK 9239 - Dự toán khác phân bổ cấp 0

*Lưu ý:* Phân đoạn mã ngành kinh tế của tổ hợp tài khoản cấp 0 (tại điểm 1.1, Phụ lục I kèm theo Công văn này), tổ hợp tài khoản cấp 1 ghi mã nhiệm vụ chi tương ứng (tại điểm 3, Phụ lục I kèm theo Công văn này).

*2.3. Kế toán phân bổ từ dự toán từ cấp 0 tới cấp 1 chi viện trợ*

Phân bổ từ cấp 0 tới cấp 1 dự toán giao trong năm từnguồn viện trợ:

Nợ TK 9263- Dự toán chi viện trợ phân bổ cấp 1

Có TK 9223 - Dự toán chi viện trợ phân bổ cấp 0

*Lưu ý:* Phân đoạn mã ngành kinh tế của tổ hợp tài khoản cấp 0, cấp 1 cùng mã nhiệm vụ chi (tại điểm 5, mã 931, Phụ lục I kèm theo Công văn này).

**VII. Tổ chức thực hiện**

Đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ vào Thông tư số 08/2013/TT-BTC và hướng dẫn tại Công văn này để thực hiện. Trong quá trình triển khai, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính (Kho bạc Nhà nước) để nghiên cứu, thống nhất giải quyết./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Sở Tài chính, KBNN các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;  - Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;  - Các đơn vị thuộc KBNN;  - Lưu: VT, KBNN ( 270 bản). | **TL. BỘ TRƯỞNG**  **TỔNG GIÁM ĐỐC KHO BẠC NHÀ NƯỚC**  **Đã ký**  **Nguyễn Hồng Hà** |